

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Thanh Trọng;

2. Ông Trịnh Tuấn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 7 (mới), đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

- Bị đơn: Ông Chu Đức H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 7 (mới), đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

- Người làm chứng: Bà Lục Thị M; địa chỉ: Số 78, đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/04/2022 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà và ông Chu Đức H kết hôn với nhau vào năm 1990, trước khi kết hôn bà và ông Chu Đức H có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, do bị mất giấy đăng

ký kết hôn nên ông, bà đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 12/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống tình cảm hòa thuận, hạnh phúc, bà và ông Chu Đức H sinh sống tại phố Hòa B, thị trấn Lộc B, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1993 vợ chồng bà chuyển ra thị xã Lạng S (nay là thành phố Lạng S) sống tại địa chỉ số nhà 6, đường Ngô Q (nay là số 7 mới), phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, thời gian từ năm 1993 đến năm 2014, tình cảm vợ chồng chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2015 vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nguyên nhân do ông Chu Đức H có quan hệ với hai người phụ nữ khác từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà cũng đã có năm 2015 cho đến nay. Việc ông Chu Đức H có quan hệ với người phụ nữ khác, anh em bạn bè và gia đình hai bên đều biết nhưng ông Chu Đức H không bao giờ thừa nhận. Ngoài ra, trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác giữa vợ chồng không đồng thuận thường hay bất đồng quan điểm. nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Trong thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày một nhiều hơn, trầm trọng hơn, bà chịu đựng và chấp nhận bỏ qua tất cả những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng và gia đình để tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân giữa bà và ông Chu Đức H, tuy nhiên ông Chu Đức H vẫn không thay đổi tính cách nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng bà đã kéo dài nhiều năm, đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, đến nay không còn quan tâm gì đến nhau, vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm gì với ông Chu Đức H nữa, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Chu Đức H có 2 con chung là cháu Chu Vũ Khánh N, sinh ngày 10/4/1991 và cháu Chu Vũ Công A, sinh ngày 31/10/1997. Hai cháu hiện nay đều đã trưởng thành, 01 cháu đã có gia đình riêng, do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Chu Đức H thỏa thuận tự chia, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn ông Chu Đức H, tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2022 trình bày: Ông và bà Vũ Thị L kết hôn vào năm 1990, vợ chồng ông có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới vợ chồng ông sinh sống tại phố Hòa B, thị trấn Lộc B, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2002 thì vợ chồng ông chuyển ra thị xã Lạng S (nay là thành phố Lạng S) sống tại địa chỉ số nhà 62, đường Ngô Q (nay là số 76 mới), phường Vĩnh T, thành phố Lạng Sơn, thời gian này vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian hai năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ ông ghen tuông vô cớ, vợ chồng chỉ cãi nhau bình thường thôi, khi vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn anh em bạn bè có khuyên bảo nhưng bà Vũ Thị L không chịu. Khoảng hai tháng nay bà Vũ Thị L bảo ông sang nhà số 7, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng Sơn ở, nhưng vẫn ăn cơm cùng nhau. Tuy giữa

vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông thấy ông vẫn còn tình cảm với bà Vũ Thị L, vì vậy bà Vũ Thị L yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Vũ Thị L có 2 người con chung là cháu Chu Vũ Khánh N, sinh ngày 10/4/1991 và cháu Chu Vũ Công A, sinh ngày 31/10/1997. Hai cháu hiện nay đều đã trưởng thành và 01 cháu đã có gia đình riêng, do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Vũ Thị L thỏa thuận tự chia, vì vậy ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người làm chứng bà Lục Thị M theo biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2022 trình bày: Bà là hàng xóm cạnh nhà bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H. Bà được chứng kiến bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H cãi nhau, có lần đánh nhau, bà được can ngăn bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H nhiều lần nhưng thời gian cụ thể bà không nhớ. Nguyên nhân mâu thuẫn của bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H cụ thể là gì bà không biết. Khoảng một năm trở lại đây bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H đã sống ly thân nhau, mỗi người sống ở một nhà, bà Vũ Thị L sống tại số 7, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S còn ông Chu Đức H sống tại số 7, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng Sơn.

Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 8 năm 2022, ông Trần Huy T là khối trưởng khối 11, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn cung cấp thông tin: Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H là công dân sinh sống tại khối 1, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S. Ông chưa thấy ông Chu Đức H và bà Vũ Thị L báo chính quyền địa phương để giải quyết việc gia đình nhưng thực tế ông Chu Đức H và bà Vũ Thị L đang sống ly thân nhau, bà Vũ Thị L sống tại số 7, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S còn ông Chu Đức H sống tại số 7, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn chấp hành không nghiêm túc các quy định về tham gia phiên họp, phiên hòa giải, tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị L.

Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H có 2 người con chung là cháu Chu Vũ Khánh N, sinh ngày 10/4/1991 và cháu Chu Vũ Công A, sinh ngày 31/10/1997, hiện nay đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 01/4/2022 bà Vũ Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Chu Đức H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt là ông Chu Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, bà Lục Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Chu Đức H, bà Lục Thị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Thể hiện trong giấy đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 12/7/2005 cũng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng xảy ra vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, hay cãi nhau, không tin tưởng nhau, quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H đều thừa nhận vợ chồng đang ly thân, không sống chung.

[4] Qua xác minh được biết tranh chấp trong hôn nhân có mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cãi chửi nhau, gia đình, bạn bè người thân biết có khuyên giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H hiện đang sống ly thân, mỗi người sống riêng một nhà. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Vũ Thị L xin ly hôn với ông Chu Đức H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Chu Đức H không đồng ý ly hôn, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông về việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân.

[5] Về con chung bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H có 02 con chung là cháu Chu Vũ Khánh N, sinh ngày 10/4/1991 và cháu Chu Vũ Công A, sinh ngày 31/10/1997, hiện nay đều đã trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các đương sự đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Chu Đức H.

2. Về con chung: Vũ Thị L và ông Chu Đức H có 02 con chung là cháu Chu Vũ Khánh N, sinh ngày 10/4/1991 và cháu Chu Vũ Công A, sinh ngày 31/10/1997, hiện nay đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L và ông Chu Đức H thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Vũ Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000845 ngày 20/4/2022 của Chi Cục thi hành án thành phố Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị L có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Chu Đức H vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND TT. Lộc Bình, H. Lộc Bình, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt